

Số: 115/NQ-HĐND

Than Uyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Phân bổ, bổ sung kinh phí và điều chỉnh dự toán thực hiện  
các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN  
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND tỉnh Lai Châu phân bổ, bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên dự toán ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách; điều chỉnh dự toán khối huyện, các đơn vị trường học để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2023 tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên về dự toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 27/2/2023 của UBND huyện Than Uyên chuyển nguồn số dư dự toán Niên độ ngân sách năm 2022 sang năm 2023 huyện Than Uyên;

Xét Tờ trình số 3075/TTr-UBND ngày 22/9/2023 của UBND huyện đề nghị ban hành Nghị quyết Phân bổ, bổ sung kinh phí và điều chỉnh dự toán thực

hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-HĐND ngày 22/9/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phân bổ, bổ sung kinh phí và điều chỉnh dự toán thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2023, như sau:

**I. Phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2023** với tổng kinh phí bổ sung: 9.994,719 triệu đồng (Chín tỷ, chín trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng)

1. Nguồn kinh phí tại Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2023 với số tiền: 3.258 triệu đồng (Ba tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn)

1.1. Kinh phí Kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh: 200 triệu đồng.

1.2. Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ (bổ sung đợt 2 năm 2023): 1.161 triệu đồng.

1.3. Kinh phí thực hiện chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung theo Nghị quyết số 07/2021/NQ - HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh: 1.402 triệu đồng.

1.4. Kinh phí thực hiện chính sách về phát triển rừng bền vững theo Nghị quyết số 08/2021/NQ - HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh: 495 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí tại Quyết định 610/QĐ-UBND ngày 27/2/2023 của UBND huyện Than Uyên về việc Chuyển nguồn số dư dự toán Niên độ ngân sách năm 2022 sang năm 2023 huyện Than Uyên số tiền: 3.951,233 triệu đồng. (Ba tỷ, chín trăm năm mươi một triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn đồng)

2.1 Kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ khối huyện: 1.038,936 triệu đồng.

2.2. Kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ khối xã: 2.912,297 triệu đồng.

3. Nguồn kinh phí tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2023: 2.785,486 triệu đồng. (Hai tỷ, bảy trăm tám mươi năm triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

3.1. Nguồn kinh phí khối xã chưa phân bổ: 132,712 triệu đồng.

- Kinh phí chi trả chế độ dân quân tự vệ tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ bị thương trong khi làm nhiệm vụ: 17,411 triệu đồng.

- Kinh phí tiền lương khối Đảng do tăng biên chế: 115,301 triệu đồng.

3.2. Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách: 2.652,774 triệu đồng.

- Kinh phí sửa chữa hệ thống đèn điện chiếu sáng, hệ thống ghế ngồi khán đài A Sân vận động huyện Than Uyên: 513,434 triệu đồng.

- Kinh phí chỉnh lý, bổ sung, tái bản cuốn lịch sử Đảng bộ huyện: 300 triệu đồng.

- Kinh phí tổ chức ngày 02/9, tuần văn hóa du lịch, các ngày lễ hội của huyện: 461,495 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2018, do chia tách thành lập chi bộ: 43,806 triệu đồng.

- Kinh phí phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2018 tăng thêm theo Nghị định số 24/2023/NĐ -CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ: 23,995 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 do chia tách thành lập chi bộ mới: 139,546 triệu đồng.

- Kinh phí tăng lương + các khoản phụ cấp do tăng biên chế so với dự toán đầu năm: 43,691 triệu đồng.

- Kinh phí tăng lương thường xuyên do chuyển ngạch công chức và tăng lương trước thời hạn: 117,387 triệu đồng.

- Kinh phí các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán năm 2023: 60 triệu đồng.

- Kinh phí chuyển đổi đất và hỗ trợ đầu tư phát triển cây cao su: 9,6 triệu đồng.

- Phụ cấp luân chuyển từ tỉnh xuống huyện theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 23/7/2019: 9 triệu đồng.

- Kinh phí khen thưởng khối huyện + xã: 114,520 triệu đồng.

- Kinh phí Đại hội hội Nông Dân: 11,300 triệu đồng.

- Kinh phí sửa chữa mái tum tầng 4 Trụ sở nhà làm việc HĐND-UBND huyện: 500 triệu đồng.

- Kinh phí ra hạn phần mềm quản lý và khai thác báo cáo ngân sách trên hệ thống Tabmis: 30 triệu đồng.

- Kinh phí đối ứng thực hiện dự án do tổ chức INKOTA tài trợ thực hiện tại các xã Pha Mu, Mường Kim: 200 triệu đồng.

- Hỗ trợ nhiệm vụ chính trị địa phương: 75 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 01-10 kèm theo)

**II. Điều chỉnh (tăng, giảm) dự toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn số tiền: 2.237,92 triệu đồng (Hai tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).** Trong đó:

1. Kinh phí điều chỉnh (tăng, giảm) dự toán khối huyện: 2.105,94 triệu đồng.

- Điều chỉnh nguồn kinh phí được giao khối huyện tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên số tiền: 1.505,94 triệu đồng.

- Điều chỉnh nguồn kinh phí được giao khối huyện tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên số tiền: 600 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 11 kèm theo)

2. Kinh phí điều chỉnh (tăng, giảm) trong nội bộ các xã: 131,98 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 12 kèm theo)

- Điều chỉnh nguồn kinh phí được giao khối xã tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên số tiền: 131,98 triệu đồng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên khóa XXI, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND, UBND tỉnh
- Sở KH&ĐT
- Sở Tài chính
- TT. Huyện uỷ
- TT. HĐND huyện
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQ VN huyện;
- Các Ban HĐND, Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

} b/c;

**CHỦ TỊCH**



**Lò Văn Hương**

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ, BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ THỊ TRẤN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, NHIỆM VỤ PHÁT SINH NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn phân bổ, nội dung thực hiện	Kinh phí phân bổ năm 2023	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nguồn kinh phí tại Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2023</b>	<b>3.258,000</b>	
1	Kinh phí Kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh	200,000	Chi tiết phụ biểu số 02
2	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ (bổ sung đợt 2 năm 2023)	1.161,000	Chi tiết phụ biểu số 03
3	Kinh phí thực hiện chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung theo Nghị quyết số 07/2021/NQ - HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh	1.402,000	Chi tiết phụ biểu số 04
4	Kinh phí thực hiện chính sách về phát triển rừng bền vững theo Nghị quyết số 08/2021/NQ - HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh	495,000	Chi tiết phụ biểu số 05
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí tại Quyết định 610/QĐ-UBND ngày 27/2/2023 của UBND huyện Than Uyên chuyển nguồn số dự toán Niên độ ngân sách năm 2022 sang năm 2023 huyện Than Uyên</b>	<b>3.951,233</b>	
1	<b>Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội</b>	<b>3.951,233</b>	
	Kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/NĐ-CP của Chính phủ khối huyện	1.038,936	Chi tiết phụ biểu số 06
	Kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/NĐ-CP của Chính phủ khối xã	2.912,297	Chi tiết phụ biểu số 07
<b>III</b>	<b>Nguồn kinh phí tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên dự toán ngân sách địa phương năm 2023</b>	<b>2.785,486</b>	
1	<b>Nguồn kinh phí khối xã chưa phân bổ</b>	<b>132,712</b>	<b>Chi tiết phụ biểu số 08</b>
	Kinh phí chi trả chế độ dân quân tự vệ tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ bị thương trong khi làm nhiệm vụ	17,411	
	Bổ sung kinh phí tiền lương khối Đảng do tăng biên chế	115,301	
2	<b>Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách</b>	<b>2.652,774</b>	<b>Chi tiết phụ biểu số 09+10</b>
	Kinh phí sửa chữa hệ thống đèn điện chiếu sáng, hệ thống ghế ngồi khán đài A Sân vận động huyện Than Uyên	513,434	
	Kinh phí chỉnh lý, bổ sung, tái bản cuốn lịch sử Đảng bộ huyện	300,000	
	Kinh phí tổ chức ngày 02/9, tuần văn hóa du lịch, các ngày lễ hội của huyện	461,495	
	Kinh phí thực hiện phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169-QĐ/TW do chia tách thành lập chi bộ	43,806	
	Kinh phí phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2018 của Ban Chấp hành TW tăng thêm theo Nghị định số 24/2023/NĐ -CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	23,995	



TT	Nguồn vốn phân bổ, nội dung thực hiện	Kinh phí phân bổ năm 2023	Ghi chú
	Kinh phí thực hiện theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành TW do chia tách thành lập chi bộ mới	139,546	
	Kinh phí tăng lương + các khoản phụ cấp do tăng biên chế so với dự toán đầu năm	43,691	
	Kinh phí tăng lương thường xuyên do chuyển ngạch công chức và tăng lương trước thời hạn	117,387	
	Kinh phí các nhiệm phát sinh ngoài dự toán năm 2023	60,000	
	Kinh phí chuyển đổi đất và hỗ trợ đầu tư phát triển cây cao su	9,600	
	Phụ cấp luân chuyển từ tỉnh xuống huyện theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	9,000	
	Kinh phí khen thưởng khối huyện + xã	114,520	
	Kinh phí Đại hội hội Nông Dân	11,300	
	Kinh phí sửa chữa mái tum tầng 4 trụ sở nhà làm việc HĐND – UBND huyện	500,000	
	Kinh phí ra hạn phần mềm quản lý và khai thác báo cáo ngân sách trên hệ thống Tabmis	30,000	
	Kinh phí đối ứng thực hiện dự án do tổ chức INKOTA tài trợ thực hiện tại xã Pha Mu, xã Mường Kim	200,000	
	Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương	75,000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.994,719</b>	

*Bảng chú: (Chín tỷ, chín trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng)*

**KINH PHÍ THỰC HIỆN 20 NĂM CHIA TÁCH THÀNH LẬP TỈNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HDND ngày 29/9/2023 của HDND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>TUYÊN TRUYỀN TẠI HUYỆN</b>				<b>107</b>	
1	Công tác tuyên truyền trước, trong và sau Lễ kỷ niệm				47	
-	Cụm Pano	Cụm	6	3	18	
-	Băng rôn	Cái	25	0,55	14	
-	Cờ hồng kỳ	Cái	218	0,07	15	
2	Hoạt động Văn hóa - Văn nghệ				60	
-	Chương trình văn nghệ	Chương trình	1	60	60	
<b>II</b>	<b>TUYÊN TRUYỀN TẠI CÁC XÃ, THỊ TRẤN</b>				<b>93</b>	
1	Tuyên truyền băng rôn, khẩu hiệu: 05 băng rôn/xã, thị trấn	Cái	60	0,55	33	
2	Tổ chức 01 chương trình văn nghệ (thể thao) chào mừng theo cụm xã: 03/12 xã	Chương trình	4	15	60	
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>200</b>	

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ  
THEO NGHỊ ĐỊNH 108/2014/NĐ-CP NGÀY 20/11/2014, NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP NGÀY  
31/08/2018 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 143/2020/NĐ-CP NGÀY 10/12/2020 CỦA CHÍNH PHỦ  
(ĐỢT 2 NĂM 2023)**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Họ và tên đối tượng nghỉ	Đơn vị công tác	Tổng số tiền	Được hưởng chính sách		Ghi chú
				Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay	
1	2	3	4=5+6	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ (18 người):</b>		<b><u>1.161</u></b>	<b><u>994</u></b>	<b><u>167</u></b>	
	<b>Huyện Than Uyên (06 người)</b>		<b>1.161</b>	994	167	
1	Nguyễn Chung Thủy	Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng huyện Than Uyên, huyện Than Uyên	198	198		
2	Nguyễn Thị Lựu (Nguyễn Thị Hồng Lựu)	Hiệu trưởng trường THCS xã Mường Than, huyện Than Uyên	218	218		
3	Khuất Thị Ngọc Hoa	Giáo viên Tiểu học xã Mường Than, huyện Than Uyên	126	126		
4	Hoàng Thị Thu	Giáo viên Trường TH xã Mường Kim, huyện Than Uyên	243	243		
5	Phan Thị Nguyệt	Giáo viên Trường TH xã Mường Cang, huyện Than Uyên	209	209		
6	Nguyễn Việt Dũng	Giáo viên Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	167		167	



## KINH PHÍ BỔ SUNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 07/2021/NQ-HĐND NGÀY 22/3/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung kế hoạch hỗ trợ	ĐVT	Tổng nhu cầu kinh phí		Kinh phí đã được giao	Kinh phí bổ sung	Ghi chú
			Khối lượng	Kinh phí			
	Huyện Than Uyên			3.115,00	1.713,00	1.402,00	
1	Hỗ trợ sản xuất lúa hàng hóa tập trung	ha	202,10	378,00	313,00	65,00	
2	Hỗ trợ làm chuồng trại	m2	2.500,00	1.500,00	1.200,00	300,00	
3	Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP			987,00	200,00	787,00	
-	Hỗ trợ chi phí hoàn thiện hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm	sp	11,00	220,00	100,00	120,00	02 sp công nhận lại tại xã Tà Hừa và Mường Cang
-	Hỗ trợ chi phí thiết kế, in, mua bao bì, nhãn mác sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng các cấp	sp	11,00	110,00	50,00	60,00	
-	Hỗ trợ máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng			427,00		427,00	
-	Thưởng cho chủ thể tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm được công nhận	sp	11,00	130,00	50,00	80,00	
-	Hỗ trợ chi phí xây dựng hoặc thuê điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP	điểm	1,00	100,00		100,00	Thuê địa điểm trong tỉnh
4	Hỗ trợ nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tiên tiến trong nhà màng			250,00		250,00	Nhà màng 200 triệu, hệ thống tưới 50 triệu

**TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 08/2021/NQ- HĐND NGÀY 22/3/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH***(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung kế hoạch hỗ trợ	Tổng nhu cầu kinh phí	Kinh phí đã được giao	Kinh phí bổ sung	Ghi chú
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.382</b>	<b>1.887</b>	<b>495</b>	
2	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND	2.382	1.887	495	Ban Quản lý rừng Phòng hộ

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ**  
**THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG CƠ SỞ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ - CP NGÀY 14/5/2023 CỦA CHÍNH PHỦ**  
**CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHỎI HUYỆN NĂM 2023**

*Từ nguồn cải cách tiền lương còn dư năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023*

*(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương năm 2023	Nguồn để thực hiện cải cách tiền lương				Số kinh phí ngân sách huyện bổ sung	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó				
				Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Giảm trừ theo kết luận số 511/KL-KT của Kiểm toán	40% số thu học phí		
A	B	1	2 = 3+4	3	4	5	6 = 1-2	
1	<b>CÁC CƠ QUAN KHỎI HUYỆN</b>	<b>2.387</b>	<b>1.348</b>	<b>1.326</b>	<b>12</b>	<b>10</b>	<b>1.038,94</b>	
1	<b>Khối QLNN</b>	<b>964,54</b>	<b>487,50</b>	<b>487,50</b>		<b>-</b>	<b>477,04</b>	
	Phòng Tài chính KH	94,55	34,50	34,50			60,05	
	Thanh tra huyện	59,50	10,00	10,00			49,50	
	Phòng Tư pháp	43,47	8,00	8,00			35,47	
	Phòng Nội vụ	104,50	18,00	18,00			86,50	
	Phòng Tài nguyên & MT	63,76	14,00	14,00			49,76	
	Phòng Dân tộc	46,16	8,00	8,00			38,16	
	Văn phòng HDND-UBND	381,601	365,00	365,00			16,601	
	Phòng Văn hóa TT	32,00	6,00	6,00			26,00	
	Phòng Giáo dục và ĐT	61,00	12,00	12,00			49,00	
	Phòng Lao động TB&XH	78,00	12,00	12,00			66,00	
2	<b>- Đảng, đoàn thể</b>	<b>848,03</b>	<b>591,00</b>	<b>591,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>257,03</b>	
	Huyện ủy Than Uyên	582,00	551,00	551,00			31,00	
	UB Mặt Trận Tổ Quốc	86,11	10,00	10,00			76,11	
	Chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng tăng thêm của Hội đồng tư vấn thuộc UBMTTQ Việt Nam theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh	0,47					0,47	
	Hội Nông Dân	46,72	8,00	8,00			38,72	
	Hội Phụ Nữ	58,06	8,00	8,00			50,06	
	Huyện đoàn	29,14	8,00	8,00			21,14	
	Hội cựu Chiến binh	39,47	6,00	6,00			33,47	
	Hội người cao tuổi	6,08	-				6,08	

		Nguồn để thực hiện cải cách tiền lương						
3	Sự nghiệp kinh tế	137,10	39,60	39,60		-	97,50	
	Trung tâm phát triển quỹ đất	79,10	28,00	28,00			51,10	
	Hội chữ thập đỏ	26,00	3,60	3,60			22,40	
	Ban Quản lý Chợ	32,00	8,00	8,00			24,00	
4	Sự nghiệp Đào tạo	275,13	69,71	48,00	11,68	10,04	205,42	
	Trung tâm Giáo dục NN - GDTX	234,13	61,71	40,00	11,68	10,04	172,42	
	Trung tâm Chính trị	41,00	8,00	8,00			33,00	
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	161,71	159,76	159,76		-	1,95	
	Trung tâm văn hóa - TT - TT	161,71	159,76	159,76			1,95	

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ  
THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG CƠ SỞ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ - CP NGÀY 14/5/2023 CỦA CHÍNH PHỦ  
CHO UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2023**

*Từ nguồn cải cách tiền lương còn dư năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023  
(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương năm 2023	Nguồn để thực hiện cải cách tiền lương						Số kinh phí ngân sách huyện bổ sung	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó						
				Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Giảm trừ theo kết luận số 511/KL-KT của Kiểm toán	70% tăng thu thực hiện CCTL	Chuyển nguồn năm 2022 sang 2023	40% số thu học phí		
A	B	1	2 = 3+4	3,00	4			5	6 = 1-2	
11	KHỐI XÃ, THỊ TRẤN	3.952,51	1.040,22	770,38	-	78	192	-	2.912,3	
1	UBND Thị trấn Than Uyên	349,82	79,96	69,40		10,52	0,04		269,86	
2	UBND xã Ta Gia	326,28	85,30	63,66		0,05	21,59		240,98	
3	UBND xã Mường Than	393,78	118,28	60,76		55,43	2,09		275,50	
4	UBND xã Phúc Than	390,35	103,05	66,44			36,61		287,30	
5	UBND xã Mường Cang	337,27	98,99	63,04		2,53	33,42		238,28	
6	UBND xã Mường Kim	417,32	81,39	66,92		1,55	12,92		335,93	
7	UBND xã Mường Mít	218,64	98,58	53,98		1,86	42,74		120,06	
8	UBND xã Hua Nà	263,79	63,36	53,18		0,10	10,08		200,43	
9	UBND xã Tả Hừa	324,92	78,99	69,94		4,93	4,12		245,93	
10	UBND xã Khoen On	338,79	73,38	73,38			-		265,41	
11	UBND xã Tả Mung	344,31	88,35	69,38		0,11	18,86		255,97	
12	UBND xã Phu Mu	247,24	70,58	60,30		0,79	9,49		176,66	

**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ DÂN QUÂN THAM GIA DIỄN TẬP CHIẾN ĐẤU TRONG KHU VỰC PHÒNG THỦ NĂM 2022; KINH PHÍ TĂNG LƯƠNG XÃ**

(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu kinh phí	Ghi chú
1	2	4	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>132,712</b>	
1	<b>Ban CHQS huyện</b>	<b>17,411</b>	
	Đỗ Ngọc Hữu	17,411	Theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ
2	<b>UBND xã Pha Mu</b>	<b>115,301</b>	
	KP tăng lương, tăng biên chế khối Đảng	115,301	Bổ sung kinh phí tiền lương khối Đảng do bổ nhiệm Phó Bí thư Đảng ủy xã, tăng lương

**TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH KHỎI HUYỆN****Từ nguồn Dự phòng ngân sách**

(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số bổ sung	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.452,774</b>	
1	Kinh phí thực hiện phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2018 của Ban Chấp hành TW do chia tách thành lập chi bộ	43,806	
	Ban Quản lý chợ	3,58	
	UB Mặt Trận Tổ Quốc	4,02	
	Hội CCB	4,02	
	Trung tâm Chính trị	4,02	
	Chi bộ Văn phòng Huyện ủy	12,07	
	Chi bộ Ban Tuyên giao	4,02	
	Chi bộ Ban Dân vận	4,02	
	Chi bộ UBKT Huyện ủy	4,02	
	Chi bộ ban Tổ chức	4,02	
2	Kinh phí phụ cấp cấp ủy theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2018 của Ban Chấp hành TW tăng thêm theo Nghị định số 24/2023/NĐ -CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ	23,995	
	Chi bộ Văn phòng HDND-UBND	1,67	
	Chi bộ Nội vụ	1,67	
	Chi bộ Kinh tế hạ tầng	0,56	
	Chi bộ Văn hóa	0,56	
	Chi bộ Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông	2,79	
	Chi bộ Tài chính	0,56	
	Chi bộ Dân vận	1,12	
	Chi bộ Tư pháp-Thi hành án	0,56	
	Chi bộ Giáo dục và Đào tạo	2,23	

	Chi bộ Nông nghiệp và PTNT	1,12	
	Chi bộ TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	1,67	
	Chi bộ Thanh Tra	0,56	
	Chi bộ Trạm Nông nghiệp	1,67	
	Chi bộ Dân tộc -Chữ thập đỏ	0,56	
	Chi bộ quỹ đất	0,56	
	Chi bộ Quản lý chợ	0,56	
	Chi bộ mặt Trận Tổ Quốc	0,56	
	Chi bộ CCB	0,56	
	Chi bộ Trung tâm Chính trị	0,56	
	Huyện ủy	3,91	
3	<b>Kinh phí thực hiện theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành TW do chia tách thành lập chi bộ mới</b>	<b>139,546</b>	
	Chi bộ Văn phòng Huyện ủy	12,85	
	Chi bộ ban Tuyên giáo	12,32	
	Chi bộ UBKT	12,24	
	Chi bộ ban Dân Vận	12,30	
	Chi bộ Ban Tổ chức	12,32	
	Chi bộ Trung tâm Chính trị	12,67	
	Chi bộ Ban QL chợ	13,00	
	Chi bộ UBMT Tổ quốc huyện	12,67	
	Chi bộ Hội Phụ Nữ	13,06	
	Hội Cựu CB	13,02	
	Đoàn Thanh niên	13,11	
4	<b>Kinh phí tăng lương + các khoản phụ cấp do tăng biên chế so với dự toán đầu năm</b>	<b>43,691</b>	
	Phòng Dân Tộc	43,69	
5	<b>Kinh phí tăng lương thường xuyên do chuyển ngạch công chức và tăng lương trước thời hạn</b>	<b>117,387</b>	
	Văn phòng HĐND - UBND	94,91	
	Phòng Tài chính - KH	22,48	



6	Kinh phí các nhiệm phát sinh ngoài dự toán năm 2023	60,00	
	Văn phòng HĐND - UBND	60,00	
7	Kinh phí chuyển đổi đất và hỗ trợ đầu tư phát triển cây cao su	9,60	
	Phòng Tài nguyên và Môi trường	9,60	
8	Phụ cấp luân chuyển từ tỉnh xuống huyện theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	9,00	
	Văn phòng HĐND - UBND	9,00	
9	Kinh phí khen thưởng khối huyện + xã	114,520	
	Phòng Nội vụ	114,52	
10	Kinh phí Đại hội hội Nông Dân	11,30	
	Hội Nông Dân	11,30	
11	Trung tâm Văn hóa -TT -TT	513,434	
	Kinh phí sửa chữa hệ thống đèn điện chiếu sáng, hệ thống ghế ngồi khán đài A Sân vận động huyện Than Uyên	513,43	
12	Huyện ủy	300,00	
	Kinh phí chỉnh lý, bổ sung, tái bản cuốn lịch sử Đảng bộ huyện	300,00	
13	Trung tâm Văn hóa -TT -TT	461,50	
	Kinh phí tổ chức ngày 02/9, tuần văn hóa du lịch, các ngày lễ hội của huyện	461,50	
14	Văn phòng HĐND - UBND	500,00	
	Kinh phí sửa chữa mái tum tầng 4 trụ sở nhà làm việc HĐND – UBND huyện	500,00	
15	Công An huyện	75,00	
	Hỗ trợ nhiệm vụ chính trị địa phương	75,00	
16	Phòng Tài chính - KH	30,00	
	Kinh phí ra hạn phần mềm quản lý và khai thác báo cáo ngân sách trên hệ thống Tabmis	30,00	

## DANH MỤC ĐỐI ƯNG THỰC HIỆN DỰ ÁN INKOTA TẠI XÃ PHA MU, XÃ MƯỜNG KIM HUYỆN THAN UYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Từ nguồn Dự phòng ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách xã

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Ghi chú
					INKOTA	NS Huyện	Nhân dân đóng góp	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>610,450</b>	<b>207,396</b>	<b>200,000</b>	<b>203,054</b>	
<b>I</b>	<b>UBND XÃ PHA MU</b>			<b>258,920</b>	<b>85,057</b>	<b>100,000</b>	<b>73,863</b>	
1	Lắp đặt bóng điện năng lượng chiếu sáng đường nội bản Pá Khôm, xã Pha Mu	Pá Khôm	Lắp dựng bóng điện chiếu sáng năng lượng mặt trời 50 bóng khu nội bản Pá Khôm xã Pha Mu phục vụ nhu cầu sinh hoạt đi lại hơn 55 hộ dân ở bản Pá Khôm.	130,703	49,579	50,000	31,124	
2	Xây dựng rãnh thoát nước đường nội bản và lò đốt rác bản Huổi Bắc xã Pha Mu	Huổi Bắc	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước với tổng chiều dài 273,5m đổ bê tông Mac 200 và xây dựng 01 lò đốt rác phục vụ nhu cầu xử lý rác thải tại bản.	128,217	35,478	50,000	42,739	
<b>II</b>	<b>UBND XÃ MƯỜNG KIM</b>			<b>351,530</b>	<b>122,339</b>	<b>100,000</b>	<b>129,191</b>	
1	Đường điện thấp sáng đường nội bản Hàng, xã Mường Kim	Bản Hàng	Đầu tư mới 50 bóng đèn thấp năng lượng mặt trời, 50 cột sắt, khoảng cách từ 30-50m/ bóng, hố móng 50x50x50cm đổ bê tông	202,716	80,720	50,000	71,996	
2	Mở mới tuyến đường vào cửa hang bản Thảm Phé xã Mường Kim	Bản Thảm Phé	Mở mới 260m, chiều rộng 3,5m, xây mới 1 cổng bản 1x1x4m bằng bê tông cốt thép có tấm nắp bằng bê tông cốt thép, xây mới kè với chiều dài 10m, đáy rộng 1,3m, cao 4,3m.	148,814	41,619	50,000	57,195	

## ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CÁC CƠ QUAN KHỎI HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số đã giao năm 2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	1	2	3	4=(1-2+3)	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.864,52</b>	<b>2.105,94</b>	<b>2.105,94</b>	<b>3.864,52</b>	
I	<b>Điều chỉnh nội dung chi giữa các cơ quan, đơn vị</b>	<b>2.466,02</b>	<b>1.627,18</b>	<b>1.627,18</b>	<b>2.466,02</b>	
	Văn phòng HĐND-UBND	1.513,02	1.027,18	1.027,18	1.513,02	
1	Kinh phí tổ chức ngày 02/9, tuần văn hóa du lịch, các ngày lễ hội của huyện			408,78	408,78	
	Văn phòng HĐND - UBND			408,78	408,78	
2	Kinh phí chi trả nhuận bút cho phòng viên tăng thêm do điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/ND-CP			40,00	40,00	
	Trung tâm Văn hóa - TT - TT			40,00	40,00	
3	Kinh phí Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường Đảng (Nay là Trung tâm Chính trị huyện Than Uyên)			25,00	25,00	
	Trung tâm Chính trị			25,00	25,00	
4	Kinh phí chi các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán			466,40	466,40	
	Văn phòng HDND- UBND			466,40	466,40	
5	Kinh phí tham gia hội thi tìm hiểu cải cách hành chính nhà nước tỉnh Lai Châu năm 2023			87,00	87,00	
	Phòng Nội vụ			87,00	87,00	
6	Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	953,00	600,00	600,00	953,00	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	953,00	600,00		353,00	Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện Than Uyên
	Phòng Tài nguyên và Môi trường			600,00	600,00	
II	<b>Điều chỉnh các nội dung chi trong đơn vị</b>	<b>1.398,50</b>	<b>478,76</b>	<b>478,76</b>	<b>1.398,50</b>	
1	<b>Phòng Kinh tế và hạ tầng</b>	<b>268,00</b>	<b>174,00</b>	<b>-</b>	<b>94,00</b>	
	Kinh phí CCTL	268,00	174,00		94,00	
2	<b>Huyện ủy</b>	<b>222,00</b>	<b>-</b>	<b>174,00</b>	<b>396,00</b>	
	Kinh phí CCTL	222,00		174,00	396,00	
3	<b>Phòng Nông nghiệp &amp; PTNT</b>	<b>220,00</b>	<b>155,00</b>	<b>-</b>	<b>65,00</b>	
	Kinh phí CCTL	220,00	155,00		65,00	

4	Huyện ủy	396,00	-	155,00	551,00	
	Kinh phí CCTL	396,00		155,00	551,00	
5	Trung tâm Chính trị	40,00	40,00	40,00	40,00	
	Kinh phí kỷ niệm ngày nhà giáo Việt năm	40,00	40,00		-	
	Kinh phí Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường Đảng (Nay là Trung tâm Chính trị huyện Than Uyên)			40,00	40,00	
6	Trung tâm Văn hóa - TT - TT	232,50	89,76	89,76	232,50	
	Kinh phí CCTL sự nghiệp Văn hóa	162,50	89,76		72,74	
	Kinh phí CCTL sự nghiệp PTTH	70,00		89,76	159,76	
7	Hội Phụ Nữ	20,00	20,00	20,00	20,00	
	Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ 2021-2026	20,00	20,00			
	Hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình			20,00	20,00	

**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
UBND CÁC XÃ NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số: 115/NQ - HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số đã giao năm 2023	Điều chỉnh		Số kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
A	B	2	4	5	6=1-4+5	E
	<b>Tổng</b>	<b>314,57</b>	<b>131,98</b>	<b>131,98</b>	<b>314,57</b>	<b>-</b>
<b>A</b>	<b>Điều chỉnh nội dung chi trong nội bộ xã, thị trấn</b>	<b>172,97</b>	<b>97,78</b>	<b>97,78</b>	<b>172,97</b>	
<b>I</b>	<b>Kinh phí chúc thọ mừng thọ UBND xã Pha Mu</b>	<b>147,58</b>	<b>81,83</b>	<b>81,83</b>	<b>147,58</b>	
1	Kinh phí chúc thọ mừng thọ	5,85	4,00		1,85	
2	Hỗ trợ phụ nữ sinh con đúng chính sách theo ND 139			4,00	4,00	
	<b>UBND xã Tà Mung</b>	<b>8,10</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	<b>8,10</b>	
1	Kinh phí chúc thọ mừng thọ	8,10	2,00		6,10	Điều chỉnh kinh phí do đầu năm đã cấp vào KP chúc thọ mừng thọ
2	Hỗ trợ phụ nữ sinh con đúng chính sách theo ND 139			2,00	2,00	
	<b>UBND xã Tà Hừa</b>	<b>13,75</b>	<b>8,00</b>	<b>8,00</b>	<b>13,75</b>	
1	Kinh phí chúc thọ mừng thọ	13,75	8,00		5,75	
2	Hỗ trợ phụ nữ sinh con đúng chính sách theo ND 139			8,00	8,00	
<b>II</b>	<b>Kinh phí lương, BHYT UBND xã Pha Mu</b>	<b>25,39</b>	<b>15,94</b>	<b>15,94</b>	<b>25,39</b>	
1	KP lương hưu	25,39	15,94		9,45	
2	Lương, phụ cấp khối Đảng			15,94	15,94	
<b>B</b>	<b>Điều chỉnh kinh phí giữa các đơn vị, xã, thị trấn</b>	<b>141,60</b>	<b>34,20</b>	<b>34,20</b>	<b>141,60</b>	
<b>I</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ hằng tháng đối với đảng viên được tặng huy hiệu Đảng</b>	<b>111,60</b>	<b>4,20</b>	<b>4,20</b>	<b>111,60</b>	
1	UBND xã Mường Than	79,20	4,20		75,00	Do dự toán đầu năm xã rà soát tính thiếu mức hưởng cho 03 đối tượng
2	UBND xã Mường Mít	9,00		1,80	10,80	
3	UBND xã Mường Cang	14,40		1,80	16,20	
4	UBND xã Tà Hừa	9,00		0,60	9,60	
<b>II</b>	<b>Kinh phí phòng cháy chữa cháy rừng</b>	<b>30,00</b>	<b>30,00</b>	<b>30,00</b>	<b>30,00</b>	
1	UBND xã Mường Cang	30,00	30,00		-	CV 2586/BCH-TM ngày 12/9/2023 của Bộ CHQS tỉnh Lai Châu về điều chỉnh đơn vị hành chính cấp xã tham gia diễn tập ứng phó cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn năm 2023 từ xã Mường Cang sang xã Phúc Than
2	UBND xã Phúc Than			30,00	30,00	

HUYỆN THAN UYÊN